

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
TÊN TIẾNG ANH: BUSINESS ADMINISTRATION
MÃ SỐ: 7340101
KHOA QUẢN LÝ: KINH TẾ - DU LỊCH
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

Quảng Bình, tháng 6/2019

CẤU TRÚC CỦA BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo
- 1.2. Thông tin chung về CTĐT
- 1.3. Triết lý giáo dục
- 1.4. Mục tiêu đào tạo của chương trình
 - 1.4.1. Mục tiêu chung
 - 1.4.2. Mục tiêu cụ thể
- 1.5. Tiêu chí tuyển sinh
- 1.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp
- 1.7. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp
 - 1.7.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp
 - 1.7.2. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra với vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 2.1. Yêu cầu năng lực
- 2.2. Trình độ ngoại ngữ

3. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

- 3.1. Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa
- 3.2. Tóm tắt nội dung các học phần
- 3.3. Mối quan hệ giữa nội dung các học phần với chuẩn đầu ra
- 3.4. Kế hoạch giảng dạy
- 3.5. Cách thức đánh giá kết quả học tập
- 3.6. Đề cương chi tiết học phần
- 3.7. Cơ sở vật chất phục vụ học tập
- 3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1904/QĐ-ĐHQB ngày 28 tháng 6 năm 2019 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)*

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) được thiết kế nhằm đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động QTKD.

1.2. Thông tin chung về CTĐT

Tên chương trình đào tạo	Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
	Tiếng Anh: Business Administration
Mã số	7340101
Trình độ	Đại học
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tên trường đào tạo	Trường Đại học Quảng Bình
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	04 năm
Số tín chỉ yêu cầu	131 tín chỉ
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT
Đăng tải trên website:	https://quangbinhuni.edu.vn
Thời điểm cập nhật bản mô tả	06/2019

1.3. Triết lý giáo dục

Nhà trường luôn coi trọng chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững và đáp ứng nhu cầu xã hội. Tạo môi trường thuận lợi để mọi người phát huy sáng tạo, phát triển tài năng. Thành tích của sinh viên sau khi tốt nghiệp, năng lực sử dụng tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng hoạt động thực tiễn và phẩm chất đạo đức của sinh viên là thước đo chất lượng và sự thành công của Nhà trường.

1.4. Mục tiêu đào tạo của chương trình

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu

về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, có khả năng tạo lập doanh nghiệp mới; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức

- Có kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường;
- Có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học quản trị kinh doanh trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

Kỹ năng

- Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; phong cách làm việc chuyên nghiệp.
- Có tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.
- Có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm cho lĩnh vực quản trị, phần mềm lập kế hoạch tài chính và khai thác thông tin trên internet.
- Có kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao dịch, đàm phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền thông.
- Có khả năng tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn.

Thái độ

Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức cộng đồng, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo và tác phong công nghiệp; có ý thức và năng lực hợp tác trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.5. Tiêu chí tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Quảng Bình.

1.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định tại Văn bản hợp nhất số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 2516/QĐ-ĐHQB ngày 19 tháng 08 năm 2016 của Hiệu trưởng trường đại học Quảng Bình ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

1.7. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

1.7.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

1	Làm việc tại các bộ phận quản trị chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh, bộ phận quản trị dự án kinh doanh, bộ phận tổ chức và quản trị nhân lực	5	Quản lý các bộ phận thuộc chức năng, quá trình quản trị kinh doanh khác (marketing, logistic kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị chất lượng...) ở các doanh nghiệp
2	Cán bộ quản lý các hoạt động kinh doanh ở các loại hình doanh nghiệp khác nhau.	6	Phụ trách các bộ phận R&D liên quan đến các vấn đề QTKD ở các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận, các viện nghiên cứu, các trường trung học nghề, cao đẳng, đại học.
3	Cán bộ quản lý phụ trách các bộ phận quản trị tác nghiệp của doanh nghiệp.	7	Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác
4	Cán bộ phụ trách các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp	8	Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác

3.2. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra với vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

[illegible]

6	Phụ trách các bộ phận R&D liên quan đến các vấn đề QTKD ở các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận, các viện nghiên cứu, các trường trung học nghề, cao đẳng, đại học.	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
7	Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác	1	2	1	2	1	2	1	1	2	1	2	1	2	1	2	1
8	Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	1	2	1

Ghi chú: 1: Liên quan; 2: Liên quan một phần; 3: Không liên quan

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Yêu cầu năng lực

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
<i>2.1.1 Về kiến thức</i>	
CĐR 1	Nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có đủ kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn ở trình độ đại học
CĐR 2	Có kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh
CĐR 3	Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về Quản trị kinh doanh
CĐR 4	Hiểu và biết cách vận dụng được khối kiến thức, toán học, pháp luật, thống kê hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách có liên quan đến công việc
<i>2.1.2 Về kỹ năng</i>	
CĐR 5	Kỹ năng hoạch định và triển khai chiến lược, chính sách kinh doanh của doanh nghiệp
CĐR 6	Kỹ năng lập và triển khai các kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp
CĐR 7	Kỹ năng lập và triển khai các kế hoạch liên quan đến công tác quản trị nhân lực của doanh nghiệp
CĐR 8	Kỹ năng lập báo cáo, trình diễn và truyền thông quản trị kinh doanh
CĐR 9	Kỹ năng quản trị sự thay đổi của doanh nghiệp
CĐR 10	Kỹ năng hoạch định và triển khai các hệ thống và tác nghiệp QTKD của doanh nghiệp
CĐR 11	Kỹ năng giao tiếp làm việc theo nhóm tốt
CĐR 12	Kỹ năng tin học : Sinh viên sau khi tốt nghiệp sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng, đồng thời có khả năng tìm hiểu và sử dụng các phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác quản trị
<i>2.1.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>	
CĐR 13	Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước
CĐR 14	Có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức phấn đấu vươn lên trở thành nhà quản trị giỏi, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân

CĐR 15	Có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị doanh nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực
CĐR 16	Có khả năng cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức quản trị kinh doanh hiện đại, sáng tạo, linh hoạt trong công việc

2.2. Trình độ ngoại ngữ

Tiếng Anh: Có chứng chỉ trình độ B1 trở lên (bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) hoặc tương đương do một cơ sở được Trường Đại học Quảng Bình chỉ định cấp

2.3. Trình độ tin học

Có chứng chỉ trình độ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản trở lên hoặc tương đương do Trường Đại học Quảng Bình cấp

3. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa

+ **Thời gian đào tạo:** 4 năm (8 học kỳ)

+ **Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 131 tín chỉ (*chưa kể giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất*)

Chương trình giảng dạy được chia thành 2 khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, trong đó có các học phần bắt buộc và tự chọn với số tín chỉ tương ứng như sau:

TT	Thành phần	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	22	0
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	109	0
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	27	0
2.2	Kiến thức ngành	60	0
2.3	Kiến thức bổ trợ	5	0
2.4	Thực tập tổng hợp, thực tập tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp,	17	0
	Tổng cộng	131	0

3.2. Tóm tắt nội dung các học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
1. Kiến thức giáo dục đại cương				22					
1	MLLCT.001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	Được ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ+BGĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	5	75	0	150	225	Không
2	MLLCT.003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Được ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ+BGĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	2	30	0	60	90	Không
3	MLLCT.004	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Được ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ+BGĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	3	45	0	90	135	Không
4	MLPLDC.044	Pháp luật đại cương	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; nhà nước và pháp luật Việt Nam nói	2	30	0	60	90	Không

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			riêng, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật cũng như vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. Ngoài ra học phần còn bao gồm những kiến thức cơ bản về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vấn đề pháp chế xã hội chủ nghĩa.						
5	D50CHINTRI.15	Kinh tế học đại cương	Học phần giới thiệu các khái niệm, nguyên lý và vấn đề cơ bản nhất của kinh tế học; các học thuyết kinh tế; các ý tưởng lớn làm nền tảng cho việc nghiên cứu kinh tế học và cách tiếp cận vấn đề của các nhà kinh tế	2	30	0	60	90	Không
6	TOCACA.013	Toán cao cấp C	Cung cấp các kiến thức về giới hạn, phép tính vi phân, tích phân hàm một biến; phương	3	45	0	90	135	Không

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			trình vi phân; ma trận, định thức.						
7	TITINDC.001	Tin học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ bản tin học, công nghệ thông tin, máy tính điện tử, hệ điều hành và ngôn ngữ lập trình căn bản bao gồm các khái niệm cơ bản, hằng, biến, mảng, biểu thức, các toán tử điều khiển...để viết được một chương trình hoàn chỉnh.	2	15	15	60	90	Không
8	TOXST.001	Xác suất thống kê	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xác suất – Thống kê để phục vụ trong học tập và nghiên cứu chuyên môn và ứng dụng giải quyết các bài toán thực tế về chuyên môn.	3	30	15	90	135	Không
9		Giáo dục thể chất		4					

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
10		Giáo dục quốc phòng		8					
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				109					
2.1. Kiến thức cơ sở của ngành				27					
11	KTKTVM.001	Kinh tế vi mô	Học phần nghiên cứu những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường. Là môn khoa học về lựa chọn, Kinh tế vi mô nghiên cứu các vấn đề cơ bản của lựa chọn; Tính quy luật và xu hướng vận động của kinh tế vi mô; Những khuyết tật của kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ thông qua các nội dung như: Cung và cầu về hàng hóa; Cung và cầu về lao động; Sản xuất, chi phí và lợi nhuận; Cạnh tranh và	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành các học phần: Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Toán cao cấp C

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			độc quyền; Hạn chế của thị trường và vai trò của chính phủ...						
12	KTKTVM.007	Kinh tế vĩ mô	Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Phân tích và giải thích các chỉ tiêu của nền kinh tế như: tổng sản phẩm quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ..., cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm tỉ giá hối đoái, cán cân thanh toán và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính Phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế như	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành các học phần: Toán cao cấp C, Kinh tế vi mô

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế cụ thể trong từng thời kì.						
13	TITHUD.123	Tin học ứng dụng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về thông tin và vai trò của thông tin kinh tế; Các hệ thống thông tin quản lý và kinh tế cơ bản; Ứng dụng cơ bản của excel trong các hệ thống thông tin kinh tế; Sử dụng cơ sở dữ liệu trong các hệ thống thông tin kinh tế; Sử dụng các hàm tài chính trong các hệ thống thông tin kinh tế....	3	30	15	90	135	Đã hoàn thành học phần tin học
14	KTKTQT.064	Kinh tế quốc tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế; chính sách	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần Kinh

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			chuyển dịch nguồn lực kinh tế quốc tế; quan hệ kinh tế giữa các quốc gia trên thế giới; bản chất của các lý thuyết về thương mại quốc tế; chính sách ngoại thương; thị trường tiền tệ và tỷ giá hối đoái; hiểu biết về bản chất và hình thức liên kết, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay						tế vi mô
15	KTKTPT.006	Kinh tế phát triển	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước đang phát triển; đặc điểm, nội dung biểu hiện sự tiến bộ của các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế; phương pháp phân tích các chỉ số (HDI, tốc độ tăng trưởng...) và xác định các yếu tố ảnh	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần Kinh tế vi mô

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			hưởng đến tốc độ tăng trưởng của một nền kinh tế (vốn, lao động, khoa học kỹ thuật, chính sách...)						
16	KTQTHO.003	Quản trị học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học giúp sinh viên tiếp cận với lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị; nắm bắt được những vấn đề cơ bản trong một tổ chức như: Tổ chức, môi trường hoạt động của tổ chức, nhà quản trị, các quyết định của nhà quản trị và các chức năng quản trị.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành các học phần: Kinh tế vi mô, Toán cao cấp C
17	KTLUAT.62	Luật kinh doanh	Học phần trang bị cho sinh viên các lý luận cơ bản về luật kinh doanh, pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật về hợp đồng trong	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành các học phần:

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh						Kinh tế vi mô, pháp luật đại cương
18	KTKTLU.027	Kinh tế lượng	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc quản trị doanh nghiệp như: Quản trị nhân lực, quản trị marketing, quản trị sản xuất, hàng tồn kho. Bên cạnh đó còn trang bị các phương pháp luận về phân tích kinh tế	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành các học phần: Quản trị học, Kinh tế vĩ mô
19	KTQLNN.030	Quản lý nhà nước về kinh tế	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và công cụ quản lý kinh tế của nhà nước như vai trò, chức năng và nội quản lý nhà nước đối với các doanh	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần Kinh tế vĩ mô

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			ngành,...						
2.2. Kiến thức ngành				60					
20	KTNLKT.002	Nguyên lý kế toán	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán như đối tượng, nguyên tắc kế toán, các phương pháp kế toán và các nội dung liên quan đến Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.	3	45	0	90	135	Không
21	KTMACB.008	Marketing căn bản	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về marketing như: Bản chất Marketing, nghiên cứu marketing, thị trường, các quyết định trong marketing.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần kinh tế vi mô
22	KTQTTC.017	Quản trị tài chính	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp như: Phân tích yếu tố lãi suất trong các quyết định	3	45	0	90	120	Đã hoàn thành học phần: Tài

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			tài chính; quản lý vốn cố định và vốn lưu động; định giá cổ phiếu và trái phiếu;...Trên cơ sở đó sinh viên sẽ có khả năng nắm bắt và sử dụng được những công cụ và kỹ thuật quản lý tài chính để thực hiện tốt chức năng của một nhà quản trị tài chính doanh nghiệp; thu thập và phân tích thông tin để ra các quyết định về tài chính.						chính – Tín dụng.
23	KTQTSX.052	Quản trị sản xuất	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất như: Nội dung nghiên cứu của quản trị sản xuất; phương pháp dự báo nhu cầu sản xuất; thiết kế được hệ thống sản xuất và bố trí mặt bằng sản xuất.	3	45	0	90	120	Đã hoàn thành các học phần: quản trị học
24	KTQTCCL.015	Quản trị chiến lược	Học phần Quản trị chiến lược nghiên cứu	3	45	0	90	120	Đã hoàn

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			những nguyên lý quản trị chiến lược và vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp như: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược, các mô hình quản trị chiến lược, nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp bao gồm: Hoạch định chiến lược; tổ chức thực hiện chiến lược; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.						thành các học phần: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
25	KTQTRR.042	Quản trị rủi ro	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro , nhận dạng rủi ro; đo lường rủi ro; kiểm soát rủi ro;	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần:

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			kỹ thuật tài trợ rủi ro; các phương pháp xử lý rủi ro, những kiến thức hiện đại về rủi ro và quản trị rủi ro						Quản trị học
26	KTQTMA.041	Quản trị Marketing	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị Marketing và kỹ thuật vận dụng trong phân tích và đánh giá hoạt động quản trị Marketing trong các doanh nghiệp.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần quản trị học, marketing căn bản
27	KTQTNL.016	Quản trị nhân lực	Trang bị cho sinh viên hiểu được thế nào là quản trị sự, sự cần thiết của nó trong một tổ chức, doanh nghiệp; thấy được sự cần thiết phải xây dựng một tiêu chuẩn quản trị nhân sự một tổ chức, doanh nghiệp qua đó hiểu	3	45	0	90	120	Đã hoàn thành học phần: quản trị học

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			được trách nhiệm và các vấn đề ảnh hưởng đối với quản lý nguồn nhân lực ở một tổ chức doanh nghiệp.						
28	KTQTCL.040	Quản trị chất lượng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý chất lượng như: Quá trình hình thành các lý thuyết quản lý chất lượng; vai trò của quản lý chất lượng trong các tổ chức; các khái niệm chất lượng và quản lý chất lượng; các công cụ quản lý chất lượng; các phương pháp quản lý chất lượng và các tiêu chuẩn quản lý chất lượng. Trên cơ sở đó sinh viên có khả năng từng bước vận dụng các lý thuyết quản lý chất lượng vào thực tiễn	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: quản trị học

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			công việc						
29	KTQTBH.031	Quản trị bán hàng	Trang bị kiến thức cho sinh viên về quản trị bán hàng. Cụ thể là khái quát về nhân viên bán hàng và người quản trị bán hàng. các kỹ năng cần thiết để một người trở thành một nhà quản lý bán hàng xuất sắc; xây dựng đội ngũ bán hàng thông thạo và có năng suất; và quản trị lực lượng bán hàng.	3	35	10	90	135	Đã hoàn thành học phần: Quản trị học, Marketing căn bản
30	QTTH. 053	Quản trị thương hiệu	Môn học cung cấp những kiến thức tổng quát về thương hiệu; Tài sản thương hiệu; Định vị thương hiệu; Kiến trúc thương hiệu; Hệ thống nhận diện thương hiệu; Thiết kế thương hiệu; truyền thông thương hiệu.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành các học phần: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô,

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
									Marketing cơ bản
31	KTHTQL.024	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần trang bị cho sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh những kiến thức cơ bản và toàn diện về Hệ thống thông tin quản lý. Giúp sinh viên tiếp cận một cách có hệ thống với những thành phần công nghệ cơ bản cấu thành Hệ thống thông tin quản lý và những loại hình hệ thống thông tin có trong thực tiễn dưới góc độ của các nhà quản lý.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: Quản trị học
32	KTHDKD.051	Phân tích hoạt động kinh doanh	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Trên cơ sở đó sinh viên rèn luyện kỹ năng tính toán và giải quyết các	3	45	0	90	120	Đã hoàn thành học phần: Quản trị tài

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			vấn đề trong quá trình phân tích kinh doanh đồng thời vận dụng các phương pháp phân tích để phân tích những nội dung cụ thể trong doanh nghiệp.						chính, quản trị sản xuất
33	KTTDDA.034	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật thiết lập, thẩm định và đánh giá một dự án đầu tư	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: Kinh tế vĩ mô
34	KTTKKD.021	Thống kê kinh doanh	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê, các phương pháp thống kê nghiệp vụ kinh doanh và những kỹ năng vận dụng vào thực tiễn ở các doanh nghiệp: Các phương pháp điều tra, chọn mẫu, phân tích và tổng hợp; Các phương pháp thống kê	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: Quản trị học

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			về doanh thu, chi phí và giá thành, kết quả và hiệu quả kinh doanh.						
35	KTTLKD.020	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong kinh doanh nhằm hiểu được tâm lý học kinh doanh, vấn đề con người trong kinh doanh, các đặc điểm xã hội – tâm lý của giới doanh nhân và những yêu cầu đặt ra về nhân cách giám đốc doanh nghiệp, tâm lý khách hàng, khoa học nhận biết và giao tiếp trong kinh doanh.	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: Quản trị học, Marketing căn bản
36	KTQTV.P.043	Quản trị văn phòng	Cung cấp cho sinh viên một cách tổng quát những vấn đề về quản trị văn phòng; Phương pháp và cách thức hoạch định, lập kế hoạch, tổ chức, quản trị con người, quản trị thông tin,	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành các học phần: kinh tế vi

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			văn bản và các hoạt động trong phạm vi văn phòng; Cách thức tổ chức các cuộc họp, hội nghị; Các kỹ năng của một người điều hành của nhà quản trị văn phòng và hệ thống kiến thức về đối thoại, giao tiếp, ứng xử trước đám đông						mô, kinh tế vĩ mô
37	KTTCTD.096	Tài chính – Tín dụng	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về mối quan hệ kinh tế giữa các thực thể tài chính phát sinh trong quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính. Giới thiệu cấu trúc, sự hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Tài chính Nhà nước, tài chính khu vực phi tài chính, tài chính của khu vực tài chính, tài chính các hộ	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: Kinh tế vi mô

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			gia đình và tài chính các tổ chức xã hội trong nền kinh tế thị trường mở.						
38	KTTTCK.033	Thị trường chứng khoán	Nội dung chủ yếu của học phần nhằm giới thiệu tổng quan về thị trường tài chính và thị trường chứng khoán; Hàng hóa của thị trường chứng khoán; Nghiệp vụ phát hành chứng khoán; Thực hành giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu về thị trường phi tập trung, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ	3	45	0	90	135	Đã hoàn thành học phần: Kinh tế vi mô
39	KTTMDT.195	Thương mại điện tử	Cung cấp kiến thức cơ bản về tổng quan các hoạt động thương mại điện tử, cách thức tiến hành hoạt động kinh doanh trên mạng. Xác	3	30	15	90	135	Đã hoàn thành học phần:

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			định được và biết cách tiếp cận các đối tượng khách hàng trên Internet. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp quy trình xây dựng website, các yếu tố cần có cho một website, các phương thức thanh toán và hình thức quảng cáo hiệu quả.						Marketing căn bản, Tin học căn bản
	2.3. Kiến thức bổ trợ			5					
40	NNTACN.004	Tiếng anh chuyên ngành	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về ngữ pháp, vốn từ vựng sử dụng trong chuyên ngành quản trị kinh doanh, giúp cho sinh viên có khả năng đọc và tra cứu các tài liệu chuyên ngành phục vụ cho việc nghiên cứu	3	45	0	90	120	Đã hoàn thành học phần kinh tế vi mô
41	KTTHUE.056	Thuế	Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận	2	30	0	60	90	Đã hoàn

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			chung về thuế, tầm quan trọng, tác động của việc đánh thuế đến nền kinh tế, nguyên tắc xác lập các loại thuế khác nhau. Trên cơ sở lí luận chung, môn học đi sâu nghiên cứu nội dung cơ bản của một số sắc thuế chủ yếu hiện hành ở Việt nam như: Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt,, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn cách hạch toán các loại thuế doanh nghiệp.						thành các học phần: Nguyên lý kế toán
2.4. Thực tập tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp (KLTN)				17					
42	KTTTTTH.045	Thực tập tổng hợp	Học phần thực tập tổng hợp giúp sinh viên có thể biết được các vấn đề tổng quan tại một	4		60	120	180	Đã hoàn thành các

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			doanh nghiệp, khái quát về tổ chức bộ máy tổ chức, tình hình tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí lợi nhuận của một đơn vị kinh doanh qua 3 đến 5 năm						học phần: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, quản trị
43	TTTNDH	Thực tập tốt nghiệp	Học phần này sinh viên thực tập tốt nghiệp; sinh viên thử nghiệm tìm định hướng KLTN dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Các chủ đề định hướng của Thực tập tốt nghiệp được giảng viên công bố và trao đổi với sinh viên. Sinh viên lập báo cáo trình bày theo tiến độ hàng tuần và thực hiện báo cáo cho giảng viên và sinh viên trong nhóm.	6	0	90	180	270	Đã hoàn thành các học phần
KLTNDH				7			210	210	Đã hoàn

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
KLTN hoặc các học phần thay thế KLTN									thành các học phần
44	KTQTKD.061	Chuyên đề quản trị kinh doanh	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong nghiên cứu và viết một chuyên đề quản trị về các lĩnh vực: Quản trị Marketing, Quản trị sản xuất, Quản trị nhân lực (lao động, tiền lương), Quản trị Tài chính, Phân tích hoạt động kinh doanh và Quản trị chiến lược phát triển doanh nghiệp. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống.	3	45	45	120	180	Đã hoàn thành các học phần
45	KTQTDN.060	Quản trị doanh nghiệp	Học phần Quản trị doanh nghiệp nghiên cứu	4	60	60	180	135	Đã hoàn

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
			những nguyên lý quản trị doanh nghiệp: Bản chất của quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất, quản trị nhân lực, quản trị tài chính... nhằm vận dụng vào thực tiễn và nâng cao hiệu quả kinh doanh tại doanh nghiệp.						thành các học phần

(Chương trình chi tiết học phần ở phụ lục đính kèm).

3.3. Mối quan hệ giữa nội dung các học phần với chuẩn đầu ra

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra															
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	x															
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x															
3	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	x															
4	Pháp luật đại cương	x															
5	Kinh tế học đại cương	x															
6	Toán cao cấp C	x															
7	Tin học	x	x										x				
8	Xác suất thống kê		x										x				
9	Kinh tế vi mô								x			x		x		x	
10	Kinh tế vĩ mô		x										x				
11	Tin học ứng dụng		x						x				x				
12	Kinh tế quốc tế		x							x				x	x	x	
13	Kinh tế phát triển			x				x		x	x						
14	Quản trị học		x		x		x			x		x					
15	Luật kinh doanh		x	x										x			

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra															
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16
16	Thị trường tài chính		x	x			x		x							x	x
17	Kinh tế lượng		x						x					x			
18	Quản lý nhà nước về kinh tế			x	x		x		x	x				x			
19	Nguyên lý kế toán			x			x				x						
20	Marketing căn bản		x	x	x			x		x		x			x		
21	Quản trị tài chính			x	x	x	x	x	x								
22	Quản trị sản xuất		x	x	x	x		x	x				x				
23	Quản trị chiến lược					x	x	x	x		x	x					
24	Quản trị rủi ro			x	x	x	x	x	x		x		x				
25	Quản trị Marketing		x		x		x	x	x				x	x			
26	Quản trị nhân lực		x	x					x	x		x			x	x	
27	Quản trị chất lượng		x		x		x						x				
28	Quản trị bán hàng		x	x	x		x	x			x	x	x			x	x
29	Quản trị thương hiệu		x	x			x		x	x			x	x	x		x
30	Hệ thống thông tin quản lý			x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	
31	Phân tích hoạt			x	x	x	x	x					x	x	x	x	

[illegible]

3.4. Kế hoạch giảng dạy

TT	Tên học phần	Số TC
<i>Giáo dục quốc phòng – an ninh (giảng dạy tập trung theo đợt) 165 giờ</i>		
Học kỳ I		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2
2	Tin học	2
3	Pháp luật đại cương	2
4	Kinh tế học đại cương	2
5	Kinh tế vi mô	3
6	Toán cao cấp C	3
7	Xác suất thống kê	3
8	Giáo dục thể chất 1	1
Học kỳ II		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Kinh tế phát triển	3
4	Quản trị học	3
5	Nguyên lý kế toán	3
6	Marketing căn bản	3
7	Giáo dục thể chất 2	1
Học kỳ III		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	Luật kinh doanh	3
3	Tin học ứng dụng	3
4	Thống kê kinh doanh	3
5	Tài chính – Tín dụng	3
6	Kinh tế quốc tế	3
7	Giáo dục thể chất 3	1
Học kỳ IV		
1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
2	Thương mại điện tử	3
3	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3
4	Thuế	2

5	Quản trị sản xuất	3
6	Kinh tế lượng	3
7	Giáo dục thể chất 4	1
Học kỳ V		
1	Quản trị tài chính	3
2	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
3	Quản trị chất lượng	3
4	Quản trị bán hàng	3
5	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3
6	Hệ thống thông tin quản lý	3
Học kỳ VI		
1	Quản trị nhân lực	3
2	Quản trị Marketing	3
3	Quản trị văn phòng	3
4	Tiếng Anh chuyên ngành	3
5	Thực tập tổng hợp	4
Học kỳ VII		
1	Quản trị rủi ro	3
2	Quản trị chiến lược	3
3	Quản trị thương hiệu	3
4	Phân tích hoạt động kinh doanh	3
5	Thị trường chứng khoán	3
Học kỳ VIII		
Thực tập tốt nghiệp		6
KLTN hoặc các học phần thay thế KLTN		7
1	<i>Chuyên đề quản trị kinh doanh</i>	3
2	<i>Quản trị doanh nghiệp</i>	4

3.5. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Thực hiện theo Quy định Văn bản hợp nhất số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định số 2516/QĐ-ĐHQB ngày 19

tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng trường đại học Quảng Bình ban hành quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

3.6. Đề cương chi tiết học phần

Đề cương chi tiết học phần, Chương trình đào tạo và Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được ban hành kèm theo Quyết định số 1904/QĐ-ĐHQB ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình.

3.7. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

cơ sở thực hành

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Đúng/ không đúng với HS	Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần		
1	Phòng máy tính số 1	98	Máy vi tính	50	Các học phần có thời lượng thực hành	Đúng	
2	Phòng máy tính số 2	52	Máy vi tính	32	Các học phần có thời lượng thực hành	Đúng	
3	Phòng máy tính số 3	52	Máy vi tính	32	Các học phần có thời lượng thực hành	Đúng	
4	Phòng máy tính số 4	26	Máy vi tính	16	Học phần Quản trị mạng và bảo trì hệ thống	Đúng	
5	Phòng máy tính số 5	52	Máy vi tính	32	Các học phần có thời lượng thực hành	Đúng	
6	Phòng máy tính lab tầng 1	111	Máy vi tính	49	Các học phần có thời lượng	Đúng	

					thực hành		
7	Phòng máy tính lab tầng 3	156	Máy vi tính	49	Các học phần có thời lượng thực hành	Đúng	

Thư viện

- Diện tích thư viện: 3160 m² (3 tầng)
 - Diện tích phòng đọc: 1.050 m²
 - Phòng đọc và mượn tài liệu: 04
 - Phòng Lab, phòng máy tính: 02
 - Phòng Hội thảo, chuyên đề: 05
 - Các phòng tự học, tự nghiên cứu, học nhóm, đa phương tiện, Phòng Truyền thống và các dịch vụ khác.
 - Số chỗ ngồi: 370; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 32
 - Phần mềm quản lý thư viện: 02
 - Thư viện điện tử: 01
- Tổng số lượng bản sách: 100.087 (bản), 12.801 (đầu sách).
- Đầu báo, tạp chí các loại ấn phẩm định kỳ khác: 730 loại.
- Bài giảng, giáo trình nội bộ: 561 đầu.
- Tài liệu nội sinh (DSPACE): 1100 file
- Nguồn cơ sở dữ liệu khác: Thư viện số gồm Tài liệu.VN; Proquest: Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo Đại học, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng. Căn cứ chương trình đào tạo ngành, Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng các đề cương chi tiết học phần và hồ sơ học phần theo quy định của trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường, của địa phương, đáp ứng nhu cầu của người học và của toàn xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần, tiến hành xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các thiết bị,

máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo.

Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm ký, duyệt đề cương chi tiết học phần, xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế; các điều kiện đảm bảo thực hiện các chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, chuẩn đầu ra. Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện. Chương trình cũng được áp dụng cho hình thức đào tạo hệ vừa làm vừa học nhưng thời gian đào tạo kéo dài thêm 6 đến 12 tháng tùy theo kế hoạch sắp xếp thời gian.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hằng năm nếu thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế thì đơn vị chuyên môn có văn bản trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường xem xét, nếu phù hợp Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình hiệu trưởng Nhà trường có quyết định điều chỉnh và chỉ được thực hiện điều chỉnh khi có Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường./.

HIỆU TRƯỞNG